

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2026/HNGĐ-ST

Ngày 02/02/2026.

V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Bé Nhi**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Danh On**

2. Ông **Danh Hưởng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Nhã Trúc** - Thư ký Tòa án khu vực 9 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cà Mau xét xử công khai vụ án thụ lý số: 149/2025/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 356/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Trần Ngọc Y**, sinh ngày 01/08/2005. Số CCCD, CMND: 095305004874; Ngày cấp: 31/05/2021. Địa chỉ: ấp MPT, xã VT, tỉnh Cà Mau.

2. **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Hữu B**, sinh ngày 23/04/2005. Số CCCD, CMND: 0952050100074; Ngày cấp: 14/7/2022. Địa chỉ: Ấp MPĐ, xã VT, tỉnh Cà Mau.

(Chị Trần Ngọc Y vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; Anh Nguyễn Hữu B vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và tại biên bản lấy lời khai ngày 29/10/2025 nguyên đơn chị Trần Ngọc Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh B có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc vào năm 2023 nhưng không có tiến hành đăng ký

kết hôn. Trong thời gian đầu, vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, chị Y đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 01 năm nay. Nay chị nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hữu B.

Về quan hệ con chung: Chị Y xác định trong quá trình chung sống giữa chị và anh B có 01 người con chung là cháu Trần Ngọc M, sinh ngày 02/09/2024, hiện tại cháu đang sống chung với chị Y, chị Y yêu cầu được nuôi cháu Trần Ngọc M và chị không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Y xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị Y không có yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Hữu B: Tòa án có tiến hành giao thông báo thụ lý và tiến hành lấy lời khai đối với anh Nguyễn Hữu B nhưng anh Nguyễn Hữu B không có mặt ở địa phương nên không thể tiến hành giao thông báo thụ lý và không thể tiến hành lấy lời khai đối với anh Nguyễn Hữu B. Bên cạnh đó, Tòa án có tiến hành niêm yết các thủ tục theo quy định pháp luật do anh Nguyễn Hữu B không có mặt ở địa phương. Chính quyền địa phương cũng xác định, anh Nguyễn Hữu B vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp MPĐ, xã VT, tỉnh Cà Mau và hiện tại không có ở địa phương nhưng lâu lâu anh Nguyễn Hữu B có về địa phương một lần.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi tham gia tố tụng cho đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trần Ngọc Y và anh Nguyễn Hữu B là vợ chồng;

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Ngọc M, sinh ngày 02/09/2024 cho chị Trần Ngọc Y nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Hữu B không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng anh có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở;

3. Về quan hệ tài sản, nợ chung: Chị Y không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ngoài ra đương sự còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Trần Ngọc Y khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hữu B và yêu cầu giải quyết về con chung nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Hữu B có nơi đăng ký thường trú tại ấp MPĐ, xã VT, tỉnh Cà Mau nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Nguyên đơn chị Trần Ngọc Y tuy rằng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với chị Trần Ngọc Y. Bị đơn anh Nguyễn Hữu B vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Hữu B.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Ngọc Y yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Hữu B, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Trần Ngọc Y thừa nhận vào năm 2023, chị Y có tổ chức đám cưới với anh Nguyễn Hữu B trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng đến nay anh, chị chưa tiến hành đăng ký kết hôn. Nay chị Y xin ly hôn với anh B. Tuy nhiên, theo Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này mà chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*. Do đó, căn cứ Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử không công nhận chị Trần Ngọc Y và anh Nguyễn Hữu B là vợ chồng.

[5] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị Y xác định giữa chị và anh Nguyễn Hữu B có 01 người con chung là Trần Ngọc M, sinh ngày 02/09/2024. Chị Y yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Trần Ngọc M, sinh ngày

02/09/2024. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Trần Ngọc M, sinh ngày 02/09/2024 hiện đang sống với chị Y, cháu đã có môi trường và cuộc sống ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Trần Ngọc M, sinh ngày 02/09/2024 cho chị Y nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Y không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên không xem xét, giải quyết. Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[6] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Ngọc Y xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Trần Ngọc Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trần Ngọc Y và anh Nguyễn Hữu B là vợ chồng;

2/ Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Ngọc M, sinh ngày 02/09/2024 cho chị Trần Ngọc Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Anh Nguyễn Hữu B không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng anh có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Ngọc Y không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Ngọc Y phải nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng chị Y đã dự nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0001232, ngày 08/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nay chuyển thu án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp và cấp trên được quyền kháng nghị bản án này theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 9 – Cà Mau;
- THA Dân sự tỉnh Cà Mau;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Bé Nhi